

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TƠ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2017/HSST
Ngày: 27/6/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Quang Long

Bà Phạm Thị Hạnh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trương Công Bình - Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài Trinh- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2017/HSST ngày 28 tháng 3 năm 2017, đối với bị cáo sau:

Họ và tên: Phạm Hồng D (Tên gọi khác: Cườm A)- Sinh ngày 04/2/1985; Quê quán: xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi đăng ký tạm trú: 549/58/27 Lê Văn T, Phường N, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Phạm D (1947) và bà Nguyễn Thị C (1951); Vợ: Nguyễn Thị Bích H và 01 con sinh tháng 5/2017; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giam từ ngày 12/02/2013 cho đến ngày 12/8/2015 thì được thả tự do vì đã chấp hành xong hình phạt theo bản án hình sự sơ thẩm số 17/2014/HSST ngày 16/12/2014 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi (có mặt).

*** Người bị hại:**

Anh Phạm Văn L – Sinh năm 1978 và chị Phạm Thị T – Sinh năm 1978; Cùng trú tại: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (có mặt).

* **Người phiên dịch:** Ông Phạm Văn X - Cán bộ phòng Văn hóa thông tin huyện Ba Tơ -phiên dịch tiếng Hre (có mặt).

NHẬN THẤY:

Bị cáo Phạm Hồng D bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 18h ngày 18/5/2012, sau khi anh Phạm Văn L, chị Phạm Thị T, anh Phạm Văn N đang ngồi chơi nói chuyện tại lán trại đãi vàng sa khoáng tại suối K, xã B, huyện B thì Phạm Hồng D đến. D dùng khúc cây (dài khoảng 1m) đập phá xoong, nồi của vợ chồng anh L dùng để nấu cơm ăn, đồng thời la lớn: Ai cho bây đãi vàng trên đất của tao. Vừa lúc đó, D nhìn thấy cái rựa để trên lán trại của vợ chồng anh L, D liền lấy rựa đập bể hai cái xoong và nói: *“Đất này là của tao, lỡ đãi vàng rồi thì đưa tao 20.000.000^d (Hai mươi triệu đồng) không tao chặt đầu”*. Sau đó, D nắm cổ tay và dùng rựa kê vào cổ anh L kéo xuống lán trại nói: *“Nay không đưa tiền, không đưa vàng đãi được tao chặt cổ, chặt tay mày”*. Lúc này, chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn N sợ Phạm Hồng D làm thật nên van xin Phạm Hồng D thả Phạm Văn L ra, nhưng Phạm Hồng D không nghe mà kéo Phạm Văn L về lán trại của ông Nguyễn Tấn Q đang ở để đào đãi vàng tại suối N, xã B (cách đó khoảng 60m). Tại đây, Phạm Hồng D lấy sợi dây dù màu xanh (loại dây dù buộc vòng) trói hai tay của Phạm Văn L về phía trước và buộc chặt anh Phạm Văn L vào gốc cây. Lúc này, chị T đi theo sau và liên tục van xin D thả anh L ra nhưng D nói: *“mày về lấy vàng đãi được đem tới đây, tao thả chồng mày ra”*. Tại thời điểm đó, ông Võ Đình H là anh rể của Phạm Hồng D ở cùng lán trại với Nguyễn Tấn Q thấy thái độ hung hăng của Phạm Hồng D và lo sợ sẽ xảy ra hậu quả không lường trước được nên nói tiếng dân tộc H're với bà Phạm Thị T : *“Mẹ L đãi có vàng thì về lấy đưa cho Cườm A nó thả chồng mày ra”*. Nghe vậy, chị Phạm Thị T liền chạy bộ về lán trại lấy vàng đãi được trước đó đem đến đưa cho Phạm Hồng D. Phạm Hồng D không cầm lấy mà bảo một người cũng tên D (không rõ họ) quê ở Thành phố Hồ Chí Minh lên tham gia đào đãi vàng đang đứng ở gần đó lấy vàng đổ ra mâm đãi lại và nói khoảng được hai chỉ (vàng sa khoáng). Phạm Hồng D nghe vậy thì lấy 200.000^d (hai trăm ngàn đồng) nhét vào túi Phạm Văn L và nói *“Mua đồ mắm, muối ăn, làm nữa thì làm, không thì về tùy ý”*. Sau đó, Phạm Hồng D mở trói cho Phạm Văn L, rồi hai vợ chồng Phạm Văn L, Phạm Thị T đi trong đêm về nhà tại xã B.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 21/2013/HSST ngày 19/12/2013, Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi đã áp dụng điểm d khoản 2 điều 134; khoản 02 điều 46 và Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt Phạm Hồng D 06 năm tù về tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”

Ngày 23/12/2013, Phạm Hồng D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho rằng không phạm tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”

Tại bản án hình sự phúc thẩm số 77/2014/HSPT ngày 18/3/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm, tuyên hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ để điều tra lại, với lý do: hành vi của Phạm Hồng D có dấu hiệu của tội “Cướp tài sản”

Tại cáo trạng số 16/CT-KSĐT ngày 28/10/2014, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ truy tố Phạm Hồng D về tội “ Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”, theo điểm d khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 17/2014/HSST ngày 16/12/2014, Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ áp dụng điểm d khoản 2 điều 134; các điểm b, p khoản 1 và khoản 02 điều 46; Điều 33 và Điều 47 Bộ luật hình sự, xử phạt Phạm Hồng D 30 tháng tù về tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”. Ngày 12/8/2015 D chấp hành xong hình phạt.

Tại kháng nghị số 03/2015/KN-HS ngày 15/12/2015, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm, hủy bản án hình sự sơ thẩm số 17/2014/HSST ngày 16/12/2014 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi để điều tra lại theo quy định của pháp luật.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 17/2016/HS-GĐT ngày 20/6/2016 của Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Đà Nẵng hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2014/HSST, ngày 16/12/2014 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ để điều tra lại theo thủ tục chung, với lý do hành vi của Phạm Hồng D có dấu hiệu của tội “Cướp tài sản” cấp sơ thẩm kết án Phạm Hồng D về tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản” là thiếu căn cứ.

Tại cáo trạng số 05/QĐ-VKS ngày 20/3/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ đã truy tố Phạm Hồng D về tội “ Cướp tài sản”, theo điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát huyện Ba Tơ giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Phạm Hồng D về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 và Điều 33 BLHS, xử phạt bị cáo Phạm Hồng D từ 36 đến 42 tháng tù.

Về dân sự bị cáo đã bồi thường xong cho người bị hại nên đề nghị miễn xét.

* *Bị cáo Phạm Hồng D trình bày:* Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng và ý kiến vừa nêu của đại diện Viện kiểm sát; Đến nay,

sau thời gian bị tạm giam và chấp hành hình phạt tù theo bản án hình sự sơ thẩm số 17/2014/HSST ngày 16/12/2014 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tư bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của bị cáo; sau khi chấp hành xong hình phạt bị cáo đã tái hòa nhập cộng đồng, đã trở thành công dân có ích cho xã hội, bị cáo đã lập gia đình và vợ vừa mới sinh con nên xin Hội đồng xét xử mở lượng khoan hồng mà cho bị cáo hưởng mức hình phạt thấp nhất để bị cáo sớm được tại ngoại mà lo cho vợ, con và công ty của bị cáo.

** Người bị hại là vợ chồng ông Phạm Văn L và bà Phạm Thị T trình bày:* Về hình sự, vợ chồng người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo D; về trách nhiệm dân sự, ông L và bà T không yêu cầu bị cáo D phải bồi thường cho mình bất kỳ khoản bồi thường nào nữa.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên Tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phạm Hồng D khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: ngày 18/5/2012, Phạm Hồng D đã dùng rựa đe dọa, uy hiếp tinh thần, buộc vợ chồng anh Phạm Văn L, Phạm Thị T phải đưa vàng hoặc tiền, nếu không đưa sẽ chặt tay, chặt cổ anh Phạm Văn L; chị Phạm Thị T vì lo sợ bị Phạm Hồng D chặt tay, chặt cổ chồng mình là anh Phạm Văn L nên đã đưa toàn bộ số vàng sa khoáng (khoản 02 chỉ) đã được trước đó cho Phạm Hồng D để D thả anh L ra. Theo quy định tại khoản 1 điều 133 Bộ luật hình sự thì “ *Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm*”. Như vậy, hành vi dùng vũ lực (trói, cột anh L) và đe dọa dùng vũ lực (dùng rựa kè vào cổ anh L) của Phạm Hồng D đối với vợ chồng anh Phạm Văn L, làm cho vợ chồng anh Phạm Văn L, Phạm Thị T hoảng sợ, không thể chống cự và buộc phải giao 02 chỉ vàng sa khoáng cho bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội cướp tài sản.

Do đó, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Phạm Hồng D phạm tội "Cướp tài sản" theo Điều 133 Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tư đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đánh giá tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản mà còn xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân được pháp luật bảo vệ. Đây là hành vi nguy

hiểm cho xã hội cần phải được xử lý để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời răn đe, giáo dục đối với người khác.

Về tình tiết định khung hình phạt: Trong vụ án này, bị cáo sử dụng 01 con dao rựa để thực hiện hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp sử dụng phương tiện nguy hiểm theo điểm d khoản 2 điều 133 Bộ luật hình sự. Do đó, hành vi của bị cáo phải được xét xử về tội danh và khung hình phạt như trên là phù hợp.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Nhưng xét về nhân thân là xấu, ngày 02/01/2003 bị UBND xã B, huyện B xử phạt hành chính với hình thức phạt tiền 100.000đ về hành vi đánh người gây thương tích (đã chấp hành xong); ngày 23/5/2003, bị UBND xã B, huyện B ra Quyết định xử phạt hành chính với hình thức phạt tiền 200.000đ về hành vi đánh người gây thương tích; Ngày 16/4/2004, bị UBND xã B, huyện B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với hình thức cảnh cáo về hành vi gây rối trật tự công cộng và đánh người gây thương tích; ngày 26/01/2005 bị TAND tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc phẩm, tuyên phạt 10 tháng tù về tội gây rối trật tự công cộng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái, nên có đưa cho anh L, chị T 200.000đồng và tác động gia đình bồi thường cho anh L, chị T số tiền 6.000.000đồng; quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai báo thành khẩn, thể hiện sự ăn năn, hối lỗi; người bị hại anh L, chị T có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đây là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng. Hơn nữa, sau khi chấp hành xong hình phạt tù theo bản án hình sự sơ thẩm số 17/2014/HSST ngày 16/12/2014 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, bị cáo đã hoàn lương, chăm chỉ làm ăn, bị cáo tích cực tham gia các hoạt động xã hội, trở thành công dân có ích cho xã hội, bị cáo đã thực sự ăn năn hối lỗi. Mặt khác, hiện nay bị cáo đã lập gia đình, vợ vừa mới sinh con, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Do đó, để thể hiện tính nhân đạo trong pháp luật hình sự của Nhà nước ta, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng thêm điều 47 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

* *Về trách nhiệm dân sự:* Người bị hại đã nhận xong của bị cáo số tiền 6.000.000 đồng bồi thường và tại phiên toà không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản gì nữa nên không xét.

* *Về vật chứng:* Số tiền 200.000 đồng được bị cáo D đã đưa cho người bị hại đã được xử lý tại bản án hình sự sơ thẩm số 17/2014/HSST ngày 16/12/2014 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, cho đến nay không có ai kháng cáo, kháng nghị về việc trên nên miễn xét.

Các vật chứng: 01 dây dù, 01 cái rựa và 01 khúc cây gỗ, do không thu giữ được nên không xét.

Về án phí: bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điều 21, 23 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo Phạm Hồng D phạm tội “ Cướp tài sản”.

Áp dụng: điểm d, khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Phạm Hồng D 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Khấu trừ thời gian bị tạm giam và thời gian chấp hành hình phạt tù theo bản án hình sự sơ thẩm số 17/2014/HSST ngày 16/12/2014 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi từ ngày 12/02/2013 cho đến ngày 12/8/2015.

Về án phí: Áp dụng điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điều 21, 23 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Phạm Hồng D phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 01922 ngày 28/01/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tơ. Bị cáo đã nộp xong.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKS H.Ba Tơ;
- THA DS H.Ba Tơ;
- Công an huyện Ba Tơ;
- Sở tư pháp T. Quảng Ngãi
- Người bị kết án;
- Các đương sự;
- Lưu : Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Văn Ngoan